

CHƯƠNG 7

THỐNG KÊ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung chính

- Khái niệm về hiệu quả SXKD
- Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SXKD
- Thống kê lợi nhuận

I – Khái niệm về hiệu quả SXKD

Hiệu quả SXKD là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác các nguồn lực và tiết kiệm chi phí các nguồn lực đó để đạt mục đích SXKD. Nó được biểu hiện bằng sự so sánh giữa kết quả có hướng đích và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó trong một thời kỳ nhất định.

II – Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SXKD

1 – Cách thiết lập các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

a - Dạng thuận:

$$H = K / C$$

b - Dạng nghịch:

$$E = C / K$$

c - Chỉ tiêu cận biên:

- Dạng thuận : $H^b = \Delta K / \Delta C$

- Dạng nghịch : $E^b = \Delta C / \Delta K$

2 - Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SXKD của DN

a - Một số chỉ tiêu phản ánh KQSXKD của DN

a.1 - Tổng giá trị SX của DN (GO – Gross Output)

- Là toàn bộ giá trị của SPVC và SPDV do LĐ của DN làm ra trong một thời kỳ nhất định thường là 1 năm.
- Cơ cấu giá trị : $GO = C_1 + C_2 + V + M$
- CT : Đối với ngành thương nghiệp
 $GO = \text{Doanh số bán ra} - \text{Giá vốn hàng bán}$

a - Một số chỉ tiêu phản ánh KQSXKD của DN

a.2 – Giá trị gia tăng của DN (VA – Value Added):

- Là một bộ phận của GO, thể hiện phần kết quả LĐ hữu ích do hoạt động sản xuất và dịch vụ của DN tạo ra trong một thời kỳ nhất định thường là 1 năm. Nó chỉ bao gồm phần giá trị mới được tạo ra nên gọi là giá trị gia tăng hay giá trị tăng thêm.
- Cơ cấu giá trị : $VA = C_1 + V + M$
- CT : $VA = GO - IC$

(IC – Intermediate Cost : Chi phí trung gian là toàn bộ chi phí VC và DV phục vụ cho HĐ SXKD của DN.

a - Một số chỉ tiêu phản ánh KQSXKD của DN

a.3 –Doanh thu tiêu thụ (DT)

- Là tổng số tiền mà DN thực tế đã thu được trong kỳ nhờ bán sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của mình.
- CT : $DT = \sum pq$
- Nội dung : DT gồm
 - + Số tiền thu được từ bán sp ở kỳ này
 - + Số tiền thu được do giao hàng từ kỳ trước nhưng kỳ này mới thu được tiền.

a - Một số chỉ tiêu phản ánh KQSXKD của DN

a.4 – Lợi nhuận hay lãi KD của DN (LN)

- Là phần chênh lệch dương giữa doanh thu và chi phí.
- CT : $LN = \sum pq - \sum zq$

b - Một số chỉ tiêu phản ánh chi phí SXKD của DN

b.1 – Vốn SXKD (VKD)

- Là một bộ phận chủ yếu của vốn được sử dụng cho hoạt động SXKD của DN.
- Phân loại
 - + Chia theo đặc điểm chu chuyển vốn : VCĐ, VLĐ.
 - + Chia theo nguồn vốn : Vốn ngân sách cấp, vốn tự bổ sung, vốn đi vay, vốn liên doanh liên kết.
- VKD là chỉ tiêu thời điểm.

b - Một số chỉ tiêu phản ánh chi phí SXKD của DN

b.2 – Số lượng LĐ (LĐ)

- Phản ánh số người làm việc tại DN ở thời điểm nghiên cứu.

b.3 - Tổng chi phí SXKD (C)

- Là toàn bộ số tiền mà DN đã chi ra trong một thời kỳ nhất định phục vụ cho quá trình SXKD.
- Gồm : Chi phí NVL, chi phí nhân công, chi phí KHTSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

c - Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SXKD của DN

	GO	VA	DT	LN
VKDbq				
LĐbq				
C				

c.1/ Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD của DN

- Khả năng (sức) tạo ra GO của vốn SXKD
- Khả năng (sức) tạo ra VA của vốn SXKD
- Khả năng (sức) tạo ra doanh thu của vốn SXKD
- Khả năng (sức) tạo ra lợi nhuận của vốn SXKD (mức doanh lợi hay tỷ suất lợi nhuận của vốn SXKD).

c.2/ Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của lao động

- Khả năng tạo ra GO của 1 lao động (NSLĐ tính theo GO).
- Khả năng tạo ra VA của 1 LĐ (NSLĐ tính theo VA).
- Khả năng tạo ra doanh thu của 1 LĐ (NSLĐ tính theo doanh thu).
- Khả năng tạo ra lợi nhuận của 1 LĐ (mức doanh lợi tính theo LĐ, NSLĐ tính theo LN).

c.3 / Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của chi phí

- Khả năng tạo ra GO của chi phí
- Khả năng tạo ra VA của chi phí
- Khả năng tạo ra doanh thu của chi phí
- Khả năng tạo ra lợi nhuận của chi phí (mức doanh lợi hay tỷ suất lợi nhuận của chi phí).

c.4/ Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu

VD1 : Phân tích hiệu quả SXKD của DN dựa vào các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Kỳ gốc	Kỳ nghiên cứu
1/ Tổng LN	triệu đồng	1200	1800
2/ Vốn SXKD bình quân.	triệu đồng	3500	4200
3/ Số lao động bình quân	người	25	30

VD2 : Có số liệu sau, hãy đánh giá hiệu quả SXKD từng mặt hàng và chung cả doanh nghiệp.

MH	Kỳ gốc			Kỳ nghiên cứu		
	Giá XK (USD/tấn)	KLXK (tấn)	Giá thành XK (USD/tấn)	(USD/tấn	(tấn)	(USD/tấn)
	p_0	q_0	z_0	p_1	q_1	z_1
A	180	800	140	200	1000	150
B	150	700	130	160	800	130

Bảng tính toán

Chỉ tiêu	Kỳ gốc	Kỳ n/c	Kỳ n/c so với kỳ gốc	
			tuyệt đối (trđ/trđ)	tương đối (%)
$H = LN/VKDbq$	0,342	0,429	0,087	25,44
$H = LN/LĐbq$	48	60	12	25

III - Thống kê lợi nhuận

1 – KN và nhiệm vụ TK lợi nhuận

a/ Khái niệm

LN là số tuyệt đối biểu hiện mức chênh lệch dương giữa tổng thu nhập và tổng chi phí của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

$$LN = T - C$$

Trong DN XNK, LN thu được gồm LN thu từ hoạt động KD XNK và LN thu từ các hoạt động khác.

- 3 chỉ tiêu hiệu quả thường dùng để đánh giá về mặt chất lượng của LN

- Tỷ suất LN của chi phí

$$H_{LN/C} = LN / C$$

- Tỷ suất LN của vốn SXKD

$$H_{LN/V} = LN / V_{KD}$$

- Tỷ suất LN của doanh thu

$$H_{LN/DT} = LN / DT$$

b - Nhiệm vụ TK lợi nhuận

- Xác định LN và đánh giá chất lượng LN
- Phân tích sự biến động của LN qua thời gian
- Phân tích sự biến động của LN do ảnh hưởng của các nhân tố
- Đánh giá tình hình thực hiện KH về LN
- Mô hình hoá LN
- Dự đoán LN.

2 – Phân tích sự biến động của LN qua thời gian

a/ Phương pháp dãy số thời gian

b/ Các chỉ số

3 – Phân tích biến động của LN do ảnh hưởng của các nhân tố

a/ Phương pháp HTCS

b/ Phương pháp phân tích liên hoàn

* Nguyên tắc

- Xác định được phương trình kinh tế phản ánh mối quan hệ giữa chỉ tiêu phân tích với các nhân tố ảnh hưởng.
- Khi xác định mức độ ảnh hưởng của 1 nhân tố nào đó đến chỉ tiêu phân tích thì nguyên tắc chọn thời kỳ quyền số giống như phương pháp hệ thống chỉ số

* Các bước phân tích

B1: Xác định phương trình kinh tế phản ánh mối quan hệ giữa chỉ tiêu phân tích với các nhân tố ảnh hưởng

$$T = a.b.c$$

(a,b,c mang tính chất lượng giảm dần)

Phương pháp phân tích liên hoàn (tiếp)

B2: Xác định lượng tăng (giảm) tuyệt đối, tương đối của chỉ tiêu phân tích.

$$\Delta T = a_1 b_1 c_1 - a_0 b_0 c_0$$

Về số tương đối, T tăng (giảm):

$$\frac{\Delta T}{T_0} \times 100 (\%)$$

Dựa vào số liệu VD2, hãy sử dụng phương pháp phân tích liên hoàn để phân tích sự biến động của:

- Lợi nhuận MHA do ảnh hưởng của các nhân tố.*
- Tổng lợi nhuận của tất cả các mặt hàng do ảnh hưởng của các nhân tố.*

B3: Xác định mức tăng (giảm) tuyệt đối, tương đối của T do ảnh hưởng của các nhân tố.

Do ảnh hưởng của a

$$\Delta T(a) = a_1 b_1 c_1 - a_0 b_1 c_1$$

$$\% \Delta T(a) = \Delta T(a) / T_0$$

Do ảnh hưởng của b

$$\Delta T(b) = a_0 b_1 c_1 - a_0 b_0 c_1$$

$$\% \Delta T(b) = \Delta T(b) / T_0$$

Do ảnh hưởng của c

$$\Delta T(c) = a_0 b_0 c_1 - a_0 b_0 c_0$$

$$\% \Delta T(c) = \Delta T(c) / T_0$$

B4: Kết luận.

4 – Mô hình hoá LN

Phương pháp hồi qui tương quan

- Mô hình hoá theo thời gian (XD hàm xu thế)
- Mô hình hoá theo các nhân tố có liên quan

5 - Dự đoán LN

a/ Dự đoán dựa vào lượng tăng (giảm) tuyệt đối bình quân

b/ Dự đoán dựa vào tốc độ phát triển bình quân

c/ Ngoại suy hàm xu thế